

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 747 /QĐ-SYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại
Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Med.Lotus

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT;

Căn cứ Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Y tế thành phố;

Căn cứ Quyết định số 8972/QĐ-SYT ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Sở Y tế về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế; Quyết định số 8973/QĐ-SYT ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Sở Y tế về việc kiện toàn thành viên Hội đồng chuyên môn kỹ thuật của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 01031/HCM-GPHĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Sở Y tế cấp cho Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Med.Lotus;

Căn cứ công văn số 4337/SYT-QLDVYT ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Sở Y tế về việc thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Công ty TNHH Med.Lotus tại hồ sơ số H29.19-240523-0159 ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc đề nghị thay đổi thời gian hoạt động và bổ sung danh mục kỹ thuật đối với Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Med.Lotus; ✓

Theo đề nghị của Tổ Thẩm định Sờ Y tế tại Biên bản thẩm định ngày 04 tháng 7 năm 2024 đối với Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Med.Lotus;

Theo đề nghị của Hội đồng chuyên môn kỹ thuật Sờ Y tế tại Biên bản thẩm định ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc thẩm định danh mục kỹ thuật đối với Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Med.Lotus; Biên bản đánh giá báo cáo khắc phục tồn tại ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng chuyên môn kỹ thuật Sờ Y tế đối với Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Med.Lotus;

Theo đề nghị của Sờ Y tế, Phòng Nghiệp vụ Y.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT thực hiện tại Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Med.Lotus, địa chỉ số 930-932 Nguyễn Chí Thanh, Phường 04, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (danh mục kỹ thuật đính kèm).

Điều 2. Danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là căn cứ pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyên tuyến, thanh toán chi phí khám, chữa bệnh và là cơ sở để đơn vị phân đầu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

Điều 3. Giám đốc Công ty TNHH Med.Lotus và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật. Khi không đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật đã được phê duyệt thì đơn vị phải chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thích hợp để điều trị.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 331/QĐ-SYT ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Sờ Y tế về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Med.Lotus do bác sĩ Huỳnh Thị Như Hằng chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật.

Điều 5. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chức năng thuộc Sờ, Chánh Thanh tra Sờ, các tổ chức, cá nhân có liên quan, Giám đốc Địa điểm kinh doanh Công ty TNHH Med.Lotus và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Ban Giám đốc Sờ Y tế;
- Thanh tra Sờ Y tế;
- Phòng Y tế Quận 11;
- Công TTĐT Sờ Y tế;
- Lưu: VT, NVY (CHP).



Nguyễn Anh Dũng

**DANH MỤC KỸ THUẬT ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM ĐA
KHÓA THUỘC CÔNG TY TNHH MED.LOTUS**

(Kèm theo Quyết định số: 747/QĐ-SYT ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Sở Y tế)

STT	TT 43/2013/ TT-BYT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC (Các bác sĩ phụ trách thực hiện)				
		A. TUẦN HOÀN				
1.	6	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	x	x	x	x
		B. HÔ HẤP				
2.	57	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)	x	x	x	
3.	64	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	x	x	x	x
4.	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
5.	66	Đặt ống nội khí quản	x	x	x	
6.	157	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	x	x	x	x
7.	158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	x	x	x	x
		E. TOÀN THÂN				
8.	251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	x	x	x	
9.	267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	x	x	x	
10.	269	Băng ép bất động sơ cứu rạn cần	x	x	x	x
11.	270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	x	x	x	x
12.	275	Băng bó vết thương	x	x	x	
13.	276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	
14.	277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x	x	
		II. NỘI KHOA (Do bác sĩ Nguyễn Trương Thanh Nguyên, Đinh Thị Tường Phong phụ trách thực hiện)				
		A. HÔ HẤP				
15.	1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
		B. TIM MẠCH				
16.	85	Điện tim thường	x	x	x	x
		C. THẦN KINH				
17.	150	Hút đờm hầu họng	x	x	x	x
		X. NGOẠI KHOA (Do bác sĩ Vũ Minh Hùng phụ trách thực hiện)				
		E. THÀNH BỤNG - CƠ HOÀNH - PHÚC MẠC				
		1. Thành bụng - cơ hoành				
18.	699	Khâu vết thương thành bụng	x	x	x	
		G. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				
		11. Tổn thương phần mềm				
19.	807	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động	x	x	x	
		12. Vùng cổ tay-bàn tay				

✓

20.	860	Thương tích bàn tay giản đơn	x	x	x	
		16. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác				
21.	954	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	x	x	x	
		XVIII. ĐIỆN QUANG (Do bác sĩ Châu Rút và bác sĩ Tôn Long Hoàng Thân phụ trách thực hiện)				
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN				
		1. Siêu âm đầu, cổ				
22.	1	Siêu âm tuyến giáp	x	x	x	
23.	2	Siêu âm các tuyến nước bọt	x	x	x	
		3. Siêu âm ổ bụng				
24.	15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	x	x	x	
25.	16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	x	x	x	
26.	18	Siêu âm tử cung phần phụ	x	x	x	
27.	20	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	x	x	x	
		5. Siêu âm cơ xương khớp				
28.	43	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	x	x		
29.	44	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)	x	x		
		7. Siêu âm vú				
30.	54	Siêu âm tuyến vú hai bên	x	x		
		B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)				
		1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy				
31.	67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	x	x	x	x
32.	68	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng	x	x	x	x
33.	69	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao	x	x	x	x
34.	70	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến	x	x	x	x
35.	71	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng	x	x	x	
36.	72	Chụp Xquang Blondeau	x	x	x	x
37.	73	Chụp Xquang Hirtz	x	x	x	x
38.	86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	x	x	x	x
39.	87	Chụp Xquang cột sống cổ chéch hai bên	x	x	x	
40.	88	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	x	x	x	
41.	89	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	x	x	x	
42.	90	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch	x	x	x	x
43.	91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	x	x	x	x
44.	92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéch hai bên	x	x	x	x
45.	93	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	x	x	x	x
46.	94	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập uốn	x	x	x	
47.	95	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze	x	x	x	
48.	96	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	x	x	x	
49.	97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéch hai bên	x	x	x	
50.	98	Chụp Xquang khung chậu thẳng	x	x	x	x
51.	99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéch	x	x	x	x
52.	100	Chụp Xquang khớp vai thẳng	x	x	x	x
53.	101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéch	x	x	x	
54.	102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	x	x	x	x

✓

55.	103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
56.	104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
57.	105	Chụp Xquang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle)	x	x	x	x
58.	106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
59.	107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
60.	108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
61.	109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	x	x	x	x
62.	110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	x	x	x	
63.	111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	x	x	x	x
64.	112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
65.	113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	x	x	x	
66.	114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	x	x	x	x
67.	115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
68.	116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
69.	117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	x	x	x	x
70.	119	Chụp Xquang ngực thẳng	x	x	x	x
71.	120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	x	x	x	x
72.	121	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	x	x	x	
73.	122	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch	x	x	x	
		C. CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH CHẨN ĐOÁN (CT)				
		2. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ 64-128 dãy				
74.	165	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang	x	x		
75.	166	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang	x	x		
76.	167	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang	x	x		
77.	168	Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion)	x	x		
78.	169	Chụp CLVT mạch máu não	x	x		
79.	170	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D	x	x		
80.	171	Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang	x	x		
81.	172	Chụp CLVT hàm-mặt có tiêm thuốc cản quang	x	x		
82.	173	Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa	x	x		
83.	174	Chụp CLVT tai-xương đá không tiêm thuốc	x	x		
84.	175	Chụp CLVT tai-xương đá có tiêm thuốc cản quang	x	x		
85.	176	Chụp CLVT hốc mắt	x	x		
86.	177	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D	x	x		
		5. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ 64-128 dãy				
87.	200	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x		
88.	201	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x		
89.	202	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao	x	x		
90.	203	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u	x	x		
91.	204	Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản	x	x		
92.	205	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi	x	x		
93.	206	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực	x	x		
94.	207	Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim	x	x		
95.	208	Chụp cắt lớp vi tính tính điểm vôi hóa mạch vành	x	x		
		8. Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ 64-				



✓

		128 dãy				
96.	231	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.)	x	x		
97.	232	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiêu khung thường quy	x	x		
98.	233	Chụp cắt lớp vi tính tiêu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiêu khung.v.v.)	x	x		
99.	234	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy	x	x		
100.	235	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)	x	x		
101.	236	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất	x	x		
102.	237	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật	x	x		
103.	238	Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion)	x	x		
104.	239	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde	x	x		
105.	240	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde	x	x		
106.	241	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo	x	x		
107.	242	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ-chậu	x	x		
		11. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ 64-128 dãy				
108.	268	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang	x	x		
109.	269	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang	x	x		
110.	270	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x		
111.	271	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x		
112.	272	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang	x	x		
113.	273	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang	x	x		
114.	274	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang	x	x		
115.	275	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang	x	x		
116.	276	Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp	x			
117.	277	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang	x	x		
118.	278	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang	x	x		
119.	279	Chụp cắt lớp vi tính tầm soát toàn thân	x	x		
120.	280	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên	x	x		
121.	281	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới	x	x		
		D. CHỤP CỘNG HƯỞNG TỪ (Cộng hưởng từ)				

✓

		1. Chụp cộng hưởng từ vùng đầu - mặt - cổ máy từ lực 0.2-1.5T				
122.	296	Chụp cộng hưởng từ sọ não	x	x		
123.	297	Chụp cộng hưởng từ sọ não có tiêm chất tương phản	x	x		
124.	298	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não không tiêm chất tương phản	x	x		
125.	299	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não có tiêm chất tương phản	x	x		
126.	300	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ không tiêm chất tương phản	x	x		
127.	301	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ có tiêm chất tương phản	x	x		
128.	302	Chụp cộng hưởng từ tuyến yên có tiêm chất tương phản (khảo sát động học)	x	x		
129.	303	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác	x	x		
130.	304	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác có tiêm chất tương phản	x	x		
131.	305	Chụp cộng hưởng từ tưới máu não (perfusion)	x	x		
132.	306	Chụp cộng hưởng từ phổ não (spect tính rography)	x	x		
133.	307	Chụp cộng hưởng từ các bó sợi thần kinh (tractography) hay Chụp Cộng hưởng từ khuếch tán sức căng (DTI - Diffusion Tensor Imaging)	x	x		
134.	308	Chụp cộng hưởng từ khuếch tán (DWI - Diffusion-weighted Imaging)	x	x		
135.	309	Chụp cộng hưởng từ đáy sọ và xương đá	x	x		
136.	310	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt - cổ	x	x		
137.	311	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt - cổ có tiêm tương phản	x	x		
138.	312	Chụp cộng hưởng từ sọ não chức năng	x			
		2. Chụp cộng hưởng từ vùng ngực máy từ lực 0.2-1.5T				
139.	313	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực	x	x		
140.	314	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x		
141.	315	Chụp cộng hưởng từ thông khí phổi (Heli)	x	x		
142.	316	Chụp cộng hưởng từ tuyến vú	x	x		
143.	317	Chụp cộng hưởng từ tuyến vú động học có tiêm tương phản	x	x		
144.	318	Chụp cộng hưởng từ phổ tuyến vú	x	x		
		3. Chụp cộng hưởng từ vùng bụng, chậu máy từ lực 0.2-1.5T				
145.	319	Chụp cộng hưởng từ tạng bụng không tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan-mật, tụy, lách, thận, dạ dày-tá tràng...)	x	x		
146.	320	Chụp cộng hưởng từ tạng bụng có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan-mật, tụy, lách, thận, dạ dày-tá tràng...)	x	x		
147.	321	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung-phân phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...)	x	x		
148.	322	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu dò hậu môn	x	x		
149.	323	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu có tiêm chất tương phản	x	x		



✓

		(gồm: chụp cộng hưởng từ từ cung-phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...)				
150.	324	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật	x	x		
151.	325	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật có tiêm chất tương phản	x	x		
152.	326	Chụp cộng hưởng từ động học sản chậu, tổng phân (defecography-MR)	x	x		
153.	327	Chụp cộng hưởng từ ruột non (enteroclysis)	x	x		
154.	328	Chụp cộng hưởng từ nội soi ảo khung đại tràng (virtual colonoscopy)	x	x		
155.	329	Chụp cộng hưởng từ tuyến tiền liệt có tiêm tương phản	x	x		
156.	330	Chụp cộng hưởng từ phổ tuyến tiền liệt	x	x		
157.	331	Chụp cộng hưởng từ đánh giá bánh nhau (rau)	x	x		
158.	332	Chụp cộng hưởng từ thai nhi	x	x		
159.	333	Chụp cộng hưởng từ gan với chất tương phản đặc hiệu mô	x	x		
		4. Chụp Cộng hưởng từ cột sống - ống sống và xương khớp máy từ lực 0.2-1.5T				
160.	334	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ	x	x		
161.	335	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ có tiêm tương phản	x	x		
162.	336	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực	x	x		
163.	337	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực có tiêm tương phản	x	x		
164.	338	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng	x	x		
165.	339	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng có tiêm tương phản	x	x		
166.	340	Chụp cộng hưởng từ khớp	x	x		
167.	341	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản tĩnh mạch	x	x		
168.	342	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản nội khớp	x	x		
169.	343	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương	x	x		
170.	344	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương có tiêm tương phản	x	x		
171.	345	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi	x	x		
172.	346	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi có tiêm tương phản	x	x		
		5. Chụp cộng hưởng từ tim mạch máy từ lực 1.5T				
173.	347	Chụp cộng hưởng từ động mạch chủ-chậu	x	x		
174.	348	Chụp cộng hưởng từ động mạch chủ-ngực	x	x		
175.	349	Chụp cộng hưởng từ động mạch vành	x	x		
176.	350	Chụp cộng hưởng từ tim	x	x		
177.	351	Chụp cộng hưởng từ tăng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)	x	x		
178.	352	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi trên	x	x		
179.	353	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi trên có tiêm tương phản	x	x		
180.	354	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi dưới	x	x		
181.	355	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi dưới có tiêm tương phản	x	x		
182.	356	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi toàn thân	x	x		
183.	357	Chụp cộng hưởng từ động mạch toàn thân có tiêm tương	x	x		

		phản				
184.	358	Chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch	x	x		
185.	359	Chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch có tiêm tương phản	x	x		
186.	360	Chụp cộng hưởng từ bạch mạch có tiêm tương phản không đặc hiệu	x	x		
187.	361	Chụp cộng hưởng từ bạch mạch có tiêm tương phản đặc hiệu	x	x		
		6. Chụp cộng hưởng từ toàn thân và kỹ thuật đặc biệt khác máy 1.5T				
188.	362	Chụp cộng hưởng từ toàn thân tầm soát và đánh giá giai đoạn TNM	x	x		
189.	363	Chụp cộng hưởng từ toàn thân tầm soát và đánh giá giai đoạn có tiêm tương phản	x	x		
190.	364	Chụp cộng hưởng từ dây thần kinh ngoại biên (neurography MR)	x	x		
191.	365	Chụp cộng hưởng từ tưới máu các tạng	x	x		
		XXI. THĂM ĐO CHỨC NĂNG				
		A. TIM, MẠCH				
192.	14	Điện tim thường	x	x	x	x
		D. TIÊU HÓA, TIẾT NIỆU				
193.	51	Test hơi thở tìm vi khuẩn HP bằng C13, C14	x	x		
		XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU (Do kỹ thuật viên Võ Ngọc Uyên Thanh và kỹ thuật viên Trần Vũ Thảo Nguyên phụ trách thực hiện)				
		A. XÉT NGHIỆM ĐỒNG MÁU				
194.	2	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động	x	x	x	
195.	6	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động.	x	x	x	
196.	14	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động	x	x	x	
		B. SINH HÓA HUYẾT HỌC				
197.	117	Định lượng sắt huyết thanh	x	x	x	
		C. TẾ BÀO HỌC				
198.	121	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	x	x	x	
199.	142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
200.	149	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
		D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU				
201.	280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)	x	x	x	
202.	292	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiên đá)	x	x	x	
		XXIII. HÓA SINH				
		A. MÁU				
203.	1	Đo hoạt độ ACP (Phosphatase Acid)	x			
204.	2	Định lượng ACTH (Adrenocorticotrophic hormone)	x			
205.	3	Định lượng Acid Uric	x	x	x	



206.	7	Định lượng Albumin	x	x	x
207.	9	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)	x	x	x
208.	10	Đo hoạt độ Amylase	x	x	x
209.	12	Định lượng AMH (Anti- Mullerian Hormone)	x		
210.	13	Định lượng Anti CCP	x		
211.	14	Định lượng Anti-Tg (Antibody- Thyroglobulin)	x	x	
212.	15	Định lượng Anti - TPO (Anti- thyroid Peroxidase antibodies)	x	x	
213.	18	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	x	x	
214.	19	Đo hoạt độ ALT (GPT)	x	x	x
215.	20	Đo hoạt độ AST (GOT)	x	x	x
216.	22	Định lượng $\beta 2$ microglobulin	x		
217.	24	Định lượng β hCG (Beta human Chorionic Gonadotropins)	x	x	
218.	25	Định lượng Bilirubin trực tiếp	x	x	x
219.	26	Định lượng Bilirubin gián tiếp	x	x	x
220.	27	Định lượng Bilirubin toàn phần	x	x	x
221.	29	Định lượng Calci toàn phần	x	x	x
222.	30	Định lượng Calci ion hóa	x	x	x
223.	32	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125)	x	x	
224.	33	Định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9)	x	x	
225.	34	Định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15- 3)	x	x	
226.	35	Định lượng CA 72 - 4 (Cancer Antigen 72- 4)	x	x	
227.	36	Định lượng Calcitonin	x	x	
228.	39	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)	x	x	
229.	40	Đo hoạt độ Cholinesterase (ChE)	x	x	x
230.	44	Định lượng CK-MB mass	x	x	
231.	45	Định lượng C-Peptid	x	x	x
232.	46	Định lượng Cortisol	x	x	
233.	50	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity)	x	x	x
234.	51	Định lượng Creatinin	x	x	x
235.	52	Định lượng Cyfra 21- 1	x	x	
236.	53	Định lượng Cyclosporin	x		
237.	58	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	x	x	x
238.	61	Định lượng Estradiol	x	x	
239.	62	Định lượng E3 không liên hợp (Unconjugated Estriol)	x		
240.	63	Định lượng Ferritin	x	x	
241.	65	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone)	x	x	
242.	66	Định lượng free β HCG (Free Beta Human Chorionic Gonadotropin)	x	x	
243.	68	Định lượng FT ₃ (Free Triiodothyronine)	x	x	
244.	69	Định lượng FT ₄ (Free Thyroxine)	x	x	
245.	75	Định lượng Glucose	x	x	x
246.	77	Đo hoạt độ GGT (Gamma Glutamyl Transferase)	x	x	x
247.	83	Định lượng HbA1c	x	x	x
248.	84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x
249.	85	Định lượng HE4	x		
250.	109	Đo hoạt độ Lipase	x	x	
251.	110	Định lượng LH (Luteinizing Hormone)	x	x	

✓

252.	111	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase)	x	x		
253.	112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x	
254.	120	Định lượng NSE (Neuron Specific Enolase)	x	x		
255.	121	Định lượng proBNP (NT-proBNP)	x	x		
256.	130	Định lượng Pro-calcitonin	x	x		
257.	131	Định lượng Prolactin	x	x		
258.	133	Định lượng Protein toàn phần	x	x	x	
259.	134	Định lượng Progesteron	x	x		
260.	137	Định lượng Pro-GRP (Pro- Gastrin-Releasing Peptide)	x			
261.	138	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen)	x	x		
262.	139	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)	x	x		
263.	140	Định lượng PTH (Parathyroid Hormon)	x	x		
264.	144	Định lượng SCC (Squamous cell carcinoma antigen)	x			
265.	145	Định lượng SHBG (Sex hormone binding globulin)	x			
266.	151	Định lượng Testosterol	x	x		
267.	154	Định lượng Tg (Thyroglobulin)	x	x		
268.	156	Định lượng TRAb (TSH Receptor Antibodies)	x	x		
269.	157	Định lượng Transferin	x	x		
270.	158	Định lượng Triglycerid	x	x	x	
271.	159	Định lượng Troponin T	x	x		
272.	160	Định lượng Troponin Ths	x	x		
273.	161	Định lượng Troponin I	x	x		
274.	162	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	x	x		
275.	166	Định lượng Urê	x	x	x	
		B. NƯỚC TIỂU				
276.	179	Định tính beta hCG (test nhanh)	x	x	x	x
277.	206	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	x	x	x	x
		XXIV. VI SINH (Do kỹ thuật viên Võ Ngọc Uyên Thanh và kỹ thuật viên Trần Vũ Thảo Nguyên phụ trách thực hiện)				
		A. VI KHUẨN				
		1. Vi khuẩn chung				
278.	2	Vi khuẩn test nhanh	x	x	x	x
		6. Các vi khuẩn khác				
279.	74	<i>Helicobacter pylori</i> Ab test nhanh	x	x	x	x
280.	98	<i>Treponema pallidum</i> test nhanh	x	x	x	x
		B. VIRUS				
		1. Virus chung				
281.	108	Virus test nhanh	x	x	x	x
		2. Hepatitis virus				
282.	117	HBsAg test nhanh	x	x	x	x
283.	121	HBsAg định lượng	x	x		
284.	124	HBsAb định lượng	x	x		
285.	129	HBc total miễn dịch tự động	x	x		
286.	132	HBeAg miễn dịch tự động	x	x		
287.	135	HBeAb miễn dịch tự động	x	x		
288.	144	HCV Ab test nhanh	x	x	x	x

289.	146	HCV Ab miễn dịch tự động	x	x		
		3. HIV				
290.	170	HIV Ag/Ab test nhanh	x	x	x	x
		4. Dengue virus				
291.	183	Dengue virus NS1Ag test nhanh	x	x	x	x
292.	184	Dengue virus NS1Ag/IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x
293.	185	Dengue virus IgA test nhanh	x	x	x	x
		5. Herpesviridae				
294.	194	CMV IgM miễn dịch tự động	x	x		
295.	196	CMV IgG miễn dịch tự động	x	x		
296.	202	HSV 1 IgM miễn dịch tự động	x	x		
297.	204	HSV 1 IgG miễn dịch tự động	x	x		
298.	206	HSV 2 IgM miễn dịch tự động	x	x		
299.	208	HSV 2 IgG miễn dịch tự động	x	x		
		7. Các virus khác				
300.	256	Rubella virus IgM miễn dịch tự động	x	x		
		C. KÝ SINH TRÙNG				
		1. Ký sinh trùng trong phân				
301.	264	Hồng cầu trong phân test nhanh	x	x	x	x
		D. VI NẤM				
302.	320	Vì nấm test nhanh	x	x	x	x

Chú ý: Các kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ do bác sĩ Tôn Long Hoàng Thân đọc kết quả, đồng thời khi thực hiện kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ có tiêm thuốc tương phản phải có sự kết hợp với bác sĩ Đinh Thị Tương Phong.

(Signature)